

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
kèm theo Báo cáo Soát xét của Kiểm toán viên Độc lập
và Báo cáo của Ban Giám đốc**

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Soát xét của Kiểm toán viên Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất	4
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ hợp nhất	7
Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất	9

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lâm Thiếu Quân	Chủ tịch	27 tháng 6 năm 2009	-
Ông Hồ Quốc An	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Nguyễn Hữu Lam	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Thomas Hermansen	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Trần Thanh Nguyên	Thành viên	01 tháng 4 năm 2006	-
Ông Mai Minh Tân	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-
Ông Mai Tuấn Tú	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-
Ông Nguyễn Thanh Khiết	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-
Ông Nguyễn Khắc Dũng	Thành viên	01 tháng 4 năm 2006	23 tháng 4 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên	01 tháng 4 năm 2006	23 tháng 4 năm 2011
Ông Hsun Tony Cau Fong	Thành viên	17 tháng 4 năm 2006	23 tháng 4 năm 2011

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Trung Hà	Trưởng ban	23 tháng 4 năm 2011	-
Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-
Bà Trần Thu Lan	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-
Ông Lưu Đình Ái	Trưởng ban	28 tháng 3 năm 2009	23 tháng 4 năm 2011
Ông Mai Minh Tân	Thành viên	17 tháng 4 năm 2010	23 tháng 4 năm 2011

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lâm Thiếu Quân	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2000

2. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.



LÂM THIẾU QUÂN
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 8 năm 2011

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Số: 119-21-11

Gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, và các báo cáo hợp nhất liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (“các báo cáo tài chính hợp nhất”) như được trình bày từ trang 4 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về các báo cáo tài chính này dựa vào công việc soát xét của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần được nêu trong báo cáo kiểm toán ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Cơ sở soát xét


Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do đó cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán, và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận


Dựa trên công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy bất kỳ vấn đề đáng chú ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn NEXIA ACPA
Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231


NGUYỄN QUỐC TUẤN
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0253/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 8 năm 2011


NGUYỄN MẠNH TUẤN
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0817/KTV
Kiểm toán viên

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		400.329.657.468	406.083.387.103
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	31.080.981.336	49.229.141.377
Tiền	111		19.444.836.671	33.994.868.784
Các khoản tương đương tiền	112		11.636.144.665	15.234.272.593
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.415.283.846	11.223.403.986
Đầu tư ngắn hạn	121	6	4.415.283.846	11.223.403.986
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		181.810.891.606	215.244.507.818
Phải thu khách hàng	131	33	130.843.162.502	195.179.467.719
Trả trước cho người bán	132		46.246.557.264	19.340.940.588
Phải thu khác	135	7;33	6.695.030.945	2.331.643.760
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	8	(1.973.859.105)	(1.607.544.249)
Hàng tồn kho	140	9	145.181.713.439	105.080.854.418
Hàng tồn kho	141		150.571.020.170	110.478.009.549
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.389.306.731)	(5.397.155.131)
Tài sản ngắn hạn khác	150		37.840.787.241	25.305.479.504
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.918.677.265	2.828.285.011
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.479.503.692	7.199.363.886
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		680.998	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	28.441.925.286	15.277.830.607
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		245.413.894.262	205.811.252.324
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.201.924.941	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		155.498.489	-
Phải thu dài hạn khác	218		1.046.426.452	-
Tài sản cố định	220		148.123.210.157	111.771.331.039
Tài sản cố định hữu hình	221	11	55.308.417.605	9.951.503.714
- Nguyên giá	222		70.574.148.003	23.670.162.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.265.730.398)	(13.718.658.906)
Tài sản cố định vô hình	227	12	63.183.314.688	58.224.535.613
- Nguyên giá	228		64.764.718.603	58.840.140.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.581.403.915)	(615.605.212)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	29.631.477.864	43.595.291.712
Bất động sản đầu tư	240	14	18.111.480.582	21.234.353.401
- Nguyên giá	241		37.610.721.533	37.583.618.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(19.499.240.951)	(16.349.265.266)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		62.399.042.572	60.415.265.131
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	41.328.311.474	51.858.917.667
Đầu tư dài hạn khác	258	16	21.991.731.098	9.356.347.464
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	17	(921.000.000)	(800.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		12.287.833.281	12.390.302.753
Chi phí trả trước dài hạn	261		6.039.717.627	4.093.059.081
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	30	1.116.986.599	885.199.578
Tài sản dài hạn khác	268		5.131.129.055	7.412.044.094
Lợi thế thương mại	269	18	3.290.402.729	-
TỔNG TÀI SẢN	270		645.743.551.730	611.894.639.427

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
		30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010	
NỢ PHẢI TRẢ	300		320.181.564.190	300.965.662.476
Nợ ngắn hạn	310		236.052.675.375	238.662.228.965
Vay ngắn hạn	311	19	61.195.980.986	66.850.751.780
Phải trả người bán	312	33	78.429.114.585	72.710.971.042
Người mua trả tiền trước	313		37.781.669.742	18.602.692.081
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách				
Nhà nước	314	20	21.172.967.558	25.534.633.648
Phải trả người lao động	315		522.764.331	9.695.934.191
Chi phí phải trả	316	21	9.998.831.581	7.401.904.253
Phải trả nội bộ	318		177.655.000	-
Phải trả khác	319	22;33	18.654.804.239	28.670.353.804
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		4.624.528.856	5.233.385.392
Quý khen thưởng, phúc lợi	323		3.494.358.497	3.961.602.774
Nợ dài hạn	330		84.128.888.815	62.303.433.511
Phải trả dài hạn khác	333		972.738.200	972.738.200
Vay và nợ dài hạn	334	23	79.344.422.179	52.848.099.585
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		434.114.290	459.003.497
Doanh thu chưa thực hiện	338		2.142.000.391	6.589.332.710
Quý phát triển khoa học và công nghệ	339		1.235.613.755	1.434.259.519
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		191.593.245.844	190.527.695.811
Vốn chủ sở hữu	410	24	191.593.245.844	190.527.695.811
Vốn cổ phần	411		116.103.990.000	116.103.990.000
Cổ phiếu quỹ	414		(15.680.000)	(15.680.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		152.582.338	-
Quý đầu tư phát triển	417		201.150.709	98.919.353
Quý dự phòng tài chính	418		2.911.936.326	2.743.029.262
Lợi nhuận chưa phân phối	420		72.239.266.471	71.597.437.196
LỢI ÍCH CŨ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	25	133.968.741.696	120.401.281.140
TỔNG NGUỒN VỐN	440		645.743.551.730	611.894.639.427

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Người phê duyệt:



LÂM THIỂU QUÂN
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng	Cho năm tài chính
			kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		225.252.480.276	634.500.005.723
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(151.351.578)	(6.915.407.154)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26	225.101.128.698	627.584.598.569
Giá vốn hàng bán	11	27;34	(157.674.803.837)	(433.710.836.341)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		67.426.324.861	193.873.762.228
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	13.729.461.369	10.772.499.487
Chi phí tài chính	22	29	(7.793.057.772)	16.416.781.203
Chi phí bán hàng	24	34	(19.469.323.017)	(45.690.511.500)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	34	(24.020.296.960)	(57.760.363.834)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.873.108.481	84.778.605.178
Thu nhập khác	31		1.372.079.973	1.396.880.534
Chi phí khác	32		(142.329.428)	(1.183.292.448)
Lợi nhuận hoạt động khác	40		1.229.750.545	213.588.086
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết	45		1.325.092.798	1.729.063.530
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.427.951.824	86.721.256.794
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	(7.642.561.513)	(19.465.079.482)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	231.787.021	758.508.167
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.017.177.332	68.014.685.497
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông thiểu số	61	25	10.827.703.156	28.746.371.080
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	62	24	14.189.474.176	39.268.314.399
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.222	3.383

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Người phê duyệt:



LÂM THIẾU QUÂN
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		32.427.951.824	86.721.256.794
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao	02		5.494.953.774	10.446.254.592
Các khoản dự phòng	03		358.466.456	1.786.699.012
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	163.434.419
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(13.462.505.244)	(8.923.574.924)
Chi phí lãi vay	06		3.724.917.253	8.397.425.677
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động				
	08		28.543.784.063	98.591.495.570
Giảm các khoản phải thu	09		36.776.996.611	16.306.173.340
Tăng hàng tồn kho	10		(40.093.010.621)	(10.733.674.738)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả và chi phí phải trả	11		(5.238.241.576)	27.856.963.957
Tăng chi phí trả trước	12		(1.559.360.184)	(2.415.748.630)
Tiền lãi vay đã trả	13		(4.168.045.674)	(7.177.668.227)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.506.146.938)	(16.120.153.043)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.280.915.039	49.022.410.714
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(12.293.351.047)	(59.358.856.030)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng cho)/cung cấp từ hoạt động kinh doanh				
	20		(3.256.460.327)	95.970.942.913
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(39.127.040.789)	(95.527.196.835)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		57.304.845	347.884.789
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(94.279.259.139)	(32.314.918.963)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		92.560.952.645	27.156.010.959
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.516.074.928)	(5.009.295.000)
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		9.285.556.299	3.273.120.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.089.867.002	2.669.779.044
Tiền chi thuần để mua công ty con	28		(2.695.887.298)	-
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động đầu tư				
	30		(23.624.581.363)	(99.404.616.006)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31		7.104.500.000	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		114.631.535.802	225.271.265.031
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn và dài hạn	34		(93.789.984.002)	(207.205.728.955)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.213.170.151)	(13.948.628.104)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động tài chính				
	40		8.732.881.649	4.116.907.972

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng	Cho năm tài chính kết
			30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
(GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẬN TRONG KỲ	50		(18.148.160.041)	683.234.879
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	5	49.229.141.377	48.543.842.439
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	2.064.059
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5	31.080.981.336	49.229.141.377

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

BỘ SUNG THUYẾT MINH VỀ GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN CHỦ YẾU

Trong kỳ/năm có các giao dịch không bằng tiền chủ yếu sau :

Nội dung	Cho kỳ sáu tháng	Cho năm tài chính
	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	-	16.486.174.845
Chuyển lợi nhuận được chia thành vốn góp bổ sung	-	4.253.400.000
Góp vốn bằng chuyển giao công nghệ	2.616.100.000	-

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Người phê duyệt:



LÂM THIỆU QUÂN
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Đơn vị báo cáo

Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật cao ITD) ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301596604 (số cũ 063371) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 1 năm 1999. Ngoài ra, Công ty còn nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh để tăng vốn cổ phần và mở rộng hoạt động kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử, máy tính, phần mềm, công nghệ thông tin và viễn thông.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Waseco, Số 10 Phổ Quang, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có hai văn phòng đại diện tại Hà Nội và Đà Nẵng.

Vốn điều lệ được phê duyệt và vốn cổ phần của Công ty là 116.103.990.000 VNĐ. Trong đó :

Cổ đông	30 tháng 6 năm 2011		31 tháng 12 năm 2010	
	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Ông Nguyễn Anh Dũng	1.385.355	11,93%	1.385.355	11,93%
Công ty TNHH TM DV Kiều Phong	1.000.000	8,61%	1.191.960	10,27%
Vietnam Infrastructure Holding Limited	1.576.835	13,58%	1.576.835	13,58%
Vietnam Investment Limited	1.074.183	9,25%	1.074.183	9,25%
Các cổ đông khác	6.574.026	56,63%	6.382.066	54,97%

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau :

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử, điện máy, máy tính, thiết bị văn phòng và các thiết bị đo lường công nghiệp	58,35%	58,35%
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến máy tính, phần mềm, thiết bị điện, điện tử, máy văn phòng, kim khí điện máy, tin học và viễn thông	82,16%	82,16%
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Mua bán, lắp đặt thiết bị cơ khí, thiết bị phục vụ xây dựng và công nghiệp, thiết bị điện, điện tử, tin học và viễn thông.	64,10%	64,10%
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Thạch Anh (*)	Sản xuất thiết bị điện, máy phát điện, máy biến thế, pin, ắc quy, dây cáp và sợi cáp	45,54%	70,42%
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến vật tư, máy móc ngành công nghiệp, dân dụng, điện tử và tin học	71,00%	71,00%
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (**)	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông	42,65%	51,95%
Công ty TNHH Liên doanh Global Sitem (***)	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện	21,75%	51,00%

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tên công ty con (tiếp theo)	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (***)	Sản xuất thiết bị, dây dẫn điện các loại và lắp đặt thiết bị điện	42,65%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Phần mềm Tiên Phong	Sản xuất và cung cấp dịch vụ liên quan đến các phần mềm tin học	100%	100%
Công ty Cổ phần Inno (***)	Sản xuất thiết bị điện, điện tử, chống sét, viễn thông và trung tâm dữ liệu cho thuê	42,57%	99,8%
Tên công ty liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử, phần mềm, truyền thông, giao thông vận tải và thiết bị văn phòng	32,00%	32,00%
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, phần mềm, máy tính, tin học và viễn thông	70,16%	25,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu (***)	Thi công, xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp và hệ thống điện; cho thuê thiết bị viễn thông, điện, nhà trạm và cột ăng ten	17,54%	41,02%

Trong đó:

- (*) Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong đầu tư trực tiếp là 6,32%, đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh là 39,22%.
- (**) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty được nhận ủy quyền quyền biểu quyết của các cá nhân với tỷ lệ 9,3% vốn cổ phần thực góp của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu.
- (***) Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tập đoàn có 489 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 571 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này:

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tập đoàn áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong kỳ và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

2.2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hay gián tiếp, điều hành các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ VNĐ trên báo cáo của Tập đoàn phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành khác tại Việt Nam đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.6. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.7. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá; kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc và thiết bị	2 - 20
Phương tiện vận tải	3 - 6
Dụng cụ văn phòng	2 - 8
Tài sản cố định khác	2

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.10. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân ánh theo nguyên giá từ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá quyền sử dụng đất phân ánh tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan đến việc sử dụng đất thuê đối với diện tích đất thuê đã có Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị hao mòn cho Quyền sử dụng đất được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 30 đến 45 năm.

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

Bản quyền

Bản quyền thể hiện giá mua bản quyền phần mềm cho hệ thống thu phí tự động. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm, bắt đầu từ đầu năm 2008.

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phân ánh chi phí xây dựng tài sản chưa hoàn thành và được phân ánh theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

2.12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí hội viên câu lạc bộ Golf

Chi phí hội viên câu lạc bộ Golf được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 44 năm.

Nâng cấp văn phòng

Nâng cấp văn phòng được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi doanh nghiệp chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.13. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua của tài sản và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư. Ước tính thời gian sử dụng hữu ích như sau:

	<u>Năm</u>
Trạm thu phát sóng	5 - 6

2.14. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

2.15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại các công ty con. Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại xác định bằng khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và các nghĩa vụ nợ có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Khoản chênh lệch có giá trị âm (bất lợi thương mại), được ghi nhận trực tiếp vào lãi hoặc lỗ. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

2.16. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính bằng 0,35% đến 5% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

2.18. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập bằng 2% thu nhập chịu thuế và được hạch toán vào chi phí.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.19. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

2.20. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

2.21. Chi phí vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản và bất động sản đầu tư đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hoá vào nguyên giá các tài sản này.

2.22. Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

2.23. Báo cáo bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế đặc trưng (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của tập đoàn theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh. Tập đoàn hoạt động ở Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

2.24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Thu nhập chịu thuế có thể có sự khác biệt so với lợi nhuận báo cáo trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do thu nhập chịu thuế có thể không bao gồm các khoản thu nhập và chi phí đã nộp thuế hoặc đã khấu trừ trong các năm trước và có thể không bao gồm những khoản thu nhập hoặc chi phí không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả chỉ được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp có liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

2.25. Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con và các công ty liên kết.

2.26. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

2.27. Các sự kiện không chắc chắn

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được phản ánh trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được trình bày khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

2.28. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Tập đoàn tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất nếu trọng yếu.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.29. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn.

Kết quả của bộ phận bao gồm các mục được phân bổ trực tiếp tới một bộ phận hoặc nhiều bộ phận dựa trên một cơ sở hợp lý. Những mục khác không nên được phân bổ tới các bộ phận bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập tài chính và chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý, thu nhập khác và chi phí khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011			Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010		
	Doanh thu bên ngoài	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Doanh thu bên ngoài	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
Điện – Điện tử	68.588.001.935	(46.294.683.592)	22.293.318.343	185.153.422.801	(125.842.112.161)	59.311.310.640
Viễn thông – Tin học	49.021.332.160	(36.372.260.618)	12.649.071.542	144.249.982.931	(107.888.169.074)	36.361.813.857
Điện – Điện công nghiệp	68.528.890.302	(52.456.917.520)	16.071.972.782	216.039.304.590	(151.478.975.648)	64.560.328.942
Hạ tầng – Giao thông	38.962.904.301	(22.550.942.107)	16.411.962.194	82.141.888.247	(48.501.579.458)	33.640.308.789
	225.101.128.698	(157.674.803.837)	67.426.324.861	627.584.598.569	(433.710.836.341)	193.873.762.228

4. Hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 24 tháng 1 năm 2011, Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (GLT), Công ty con trong Tập đoàn, đã mua lại 99,8% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Inno tương đương với 2.994 triệu đồng. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Inno là mua bán và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông.

Hoạt động mua lại này đã có những ảnh hưởng đến tài sản và công nợ của Tập đoàn vào ngày mua lại như sau:

	Giá trị ghi sổ trước khi mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị được ghi nhận khi mua lại
Tiền và các khoản tương đương tiền	298.112.702	-	298.112.702
Trả trước nhà cung cấp	1.576.341.000	-	1.576.341.000
Tài sản ngắn hạn khác	432,079,110	-	432,079,110
Người mua trả tiền trước	(2.095.800.000)	-	(2.095.800.000)
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	(829.059)	-	(829.059)
Phải trả khác	(590.675.783)	-	(590.675.783)
Giá trị tài sản thuần có thể xác định	(380.772.030)	-	(380.772.030)
Giá phí hợp nhất kinh doanh			2.994.000.000
Lợi thế thương mại tại ngày mua			3.374.772.030
Tiền nhận được tại thời điểm mua			298.112.702
Tiền thuần chi ra cho việc mua lại			2.695.887.298

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tiền mặt	1.499.072.626	912.550.338
Tiền gửi ngân hàng	17.945.764.045	33.082.318.446
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	11.636.144.665	15.234.272.593
	31.080.981.336	49.229.141.377

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm số ngoại tệ khác với VND như sau:

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	80.084	51.709
- Euro ("EUR")	4.236	711

6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong với lãi suất 18% một năm	440.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng	3.975.283.846	1.843.903.986
Khoản vay cung cấp cho các công ty liên quan	-	9.379.500.000
	4.415.283.846	11.223.403.986

7. Các khoản phải thu khác

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Cổ tức và lợi nhuận được chia	228.976.109	-
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai khấu trừ	798.718.506	835.654.364
Chi hộ cho các đơn vị ủy thác xuất, nhập khẩu	4.779.575.011	142.800.588
Chi phí trả hộ các công ty con và công ty liên kết	110.674.092	-
Phải thu lãi vay	176.557.041	158.450.000
Phải thu khác	600.530.186	1.194.738.876
	6.695.030.945	2.331.643.760

8. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số dư đầu kỳ/năm	1.607.544.249	1.174.774.580
Dự phòng trong kỳ/năm	855.183.238	432.769.669
Hoàn nhập dự phòng	(488.868.382)	-
Số dư cuối kỳ/năm	1.973.859.105	1.607.544.249

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Hàng tồn kho

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Hàng mua đang đi trên đường	-	93.529.381
Nguyên vật liệu	4.297.494.945	4.565.379.531
Sản phẩm dở dang	66.156.568.404	46.413.432.595
Thành phẩm	11.297.138.101	394.270.523
Hàng hóa	68.799.648.127	58.988.986.189
Hàng gửi đi bán	20.170.593	22.411.330
	150.571.020.170	110.478.009.549
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.389.306.731)	(5.397.155.131)
	145.181.713.439	105.080.854.418

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số dư đầu kỳ/năm	5.397.155.131	4.843.225.788
Tăng trong kỳ/năm	-	553.929.343
Hoàn nhập dự phòng	(7.848.400)	-
Số dư cuối kỳ/năm	5.389.306.731	5.397.155.131

10. Tài sản ngắn hạn khác

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tạm ứng	3.467.662.168	2.408.272.635
Đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn	24.974.263.118	12.862.045.972
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	7.512.000
	28.441.925.286	15.277.830.607

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	-	2.737.229.964	11.197.610.856	9.679.505.320	55.816.480	23.670.162.620
Tăng trong kỳ	-	6.504.043.218	2.137.147.094	653.901.981	-	9.295.092.293
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	36.889.863.624	954.218.076	-	-	-	37.844.081.700
Phân loại lại	-	(1.800.786.269)	-	1.800.786.269	-	-
Thanh lý	-	-	-	(235.188.610)	-	(235.188.610)
Số dư cuối kỳ	36.889.863.624	8.394.704.989	13.334.757.950	11.899.004.960	55.816.480	70.574.148.003
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	-	(1.703.382.698)	(5.230.227.487)	(6.729.232.241)	(55.816.480)	(13.718.658.906)
Hao mòn trong kỳ	-	(20.067.032)	(800.210.738)	(952.222.931)	-	(1.772.500.701)
Phân loại lại	-	867.171.877	-	(867.171.877)	-	-
Thanh lý	-	-	-	225.429.209	-	225.429.209
Số dư cuối kỳ	-	(856.277.853)	(6.030.438.225)	(8.323.197.840)	(55.816.480)	(15.265.730.398)
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	-	1.033.847.266	5.967.383.369	2.950.273.079	-	9.951.503.714
Số dư cuối kỳ	36.889.863.624	7.538.427.136	7.304.319.725	3.575.807.120	-	55.308.417.605

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tương đương 46.442 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2010: 3.033 triệu VNĐ) được thế chấp tại các để ngân hàng đảm bảo các khoản vay cho Tập đoàn (xem Thuyết minh 23).

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 7.796 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (31 tháng 12 năm 2010: 7.796 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền sử dụng công nghệ	Phần mềm	Bản quyền	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	43.896.062.525	13.940.500.000	673.578.300	330.000.000	58.840.140.825
Tăng trong kỳ	-	5.924.577.778	-	-	5.924.577.778
Số dư cuối kỳ	43.896.062.525	19.865.077.778	673.578.300	330.000.000	64.764.718.603
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	(162.062.785)	-	(261.042.427)	(192.500.000)	(615.605.212)
Hao mòn trong kỳ	(383.832.918)	-	(63.025.169)	(41.250.000)	(488.108.087)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(477.690.616)	-	-	-	(477.690.616)
Số dư cuối kỳ	(1.023.586.319)	-	(324.067.596)	(233.750.000)	(1.581.403.915)
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	43.733.999.740	13.940.500.000	412.535.873	137.500.000	58.224.535.613
Số dư cuối kỳ	42.872.476.206	19.865.077.778	349.510.704	96.250.000	63.183.314.688

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Quyền sử dụng đất với giá trị còn lại xấp xỉ 42.872 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2010: 43.734 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Nam Sài Gòn để đảm bảo khoản vay dài hạn cho Tập đoàn (xem Thuyết minh 23).

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 115 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (31 tháng 12 năm 2010: 75 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số dư đầu kỳ/năm	43.595.291.172	531.283.748
Tăng trong kỳ/năm	23.880.267.852	43.739.643.764
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(37.844.081.700)	(675.635.800)
Số dư cuối kỳ/năm	29.631.477.864	43.595.291.712

14. Bất động sản đầu tư

	Trạm thu phát sóng
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	37.583.618.667
Tăng trong kỳ	27.102.866
Số dư cuối kỳ	37.610.721.533
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	(16.349.265.266)
Hao mòn trong kỳ	(3.149.975.685)
Số dư cuối kỳ	(19.499.240.951)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	21.234.353.401
Số dư cuối kỳ	18.111.480.582

15. Đầu tư vào công ty liên kết

	30 tháng 6 năm 2011		31 tháng 12 năm 2010	
	% sở hữu	Giá trị	% sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Thiên Vận	32%	1.805.864.690	32%	2.051.800.849
Công ty Cổ phần thanh toán trực tuyến Mùa Xuân (a)	-	-	18,77%	2.634.099.176
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu ("GII")	17,54%	38.647.946.316	27,07%	45.206.559.140
Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong (b)	70,16%	874.500.468	71,55%	1.966.458.502
		41.328.311.474		51.858.917.667

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- (a) Tập đoàn đã đầu tư 2.650 triệu VNĐ, tương đương 18,77% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Thanh toán trực tuyến Mùa Xuân. Khoản đầu tư này được trình bày như khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và được phân loại như khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2011.
- (b) Theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0310056838 ngày 17 tháng 9 năm 2010, quyền biểu quyết của Công ty là 25%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tập đoàn đã đầu tư 2.110 triệu đồng, tương đương 70,16% trong vốn góp thực tế (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 71,55%).

Biến động giá trị đầu tư trong các Công ty liên kết trong kỳ/năm như sau :

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số dư đầu kỳ/năm	51.858.917.667	43.744.151.700
Phân loại lại	(2.634.099.176)	-
Thanh lý	(9.164.556.299)	-
Tăng trong kỳ/năm	41.217.104	7.323.400.000
Lợi nhuận được chia	1.325.092.798	1.729.063.530
Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong kỳ/năm	-	(937.697.563)
Phân bổ cho các quỹ	(98.260.620)	-
	41.328.311.474	51.858.917.667

16. Đầu tư dài hạn khác

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	1.860.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Tê N Lửa	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH Hanel - CSF	1.831.595.000	1.831.595.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân (MX) (Xem Thuyết minh 15)	2.650.000.000	-
Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF	1.098.957.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	14.351.179.098	5.824.752.464
	21.991.731.098	9.356.347.464

17. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số dư đầu kỳ/năm	800.000.000	-
Tăng trong kỳ/năm	-	800.000.000
Điều chỉnh	121.000.000	-
Số dư cuối kỳ/năm	921.000.000	800.000.000

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Lợi thế thương mại

Nguyên giá	
Tăng trong kỳ và số dư cuối kỳ	3.374.772.030
Giá trị hao mòn lũy kế	
Hao mòn trong kỳ và số dư cuối kỳ	(84.369.301)
Giá trị còn lại	
Số dư cuối kỳ	3.290.402.729

19. Vay ngắn hạn

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Vay ngắn hạn ngân hàng (a)	18.607.206.116	32.452.216.780
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác (b)	37.550.384.000	34.176.943.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh 23)	5.038.390.870	221.592.000
	61.195.980.986	66.850.751.780

- (a) Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn và hàng hóa của Tập đoàn, Quyền sử dụng đất và tài sản khác của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc. Các khoản vay ngắn hạn này chịu lãi suất từ 6,5% đến 19% một năm (2010: 13% đến 16,5%).
- (b) Vay ngắn hạn các cá nhân không được đảm bảo với lãi suất từ 13% đến 19,8% một năm (2010: 14% đến 19,8%).

20. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.110.723.667	5.472.120.183
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	503.049.745	964.600.653
Thuế xuất nhập khẩu	578.216.912	461.087.134
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.458.222.020	16.321.807.445
Thuế thu nhập cá nhân	1.348.670.697	1.399.869.802
Các loại thuế khác	1.174.084.517	915.148.431
	21.172.967.558	25.534.633.648

21. Chi phí phải trả

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Chi phí lãi vay	1.232.840.372	1.675.968.793
Giá vốn hàng hóa phải trả	8.549.270.803	1.911.912.327
Chi phí lắp đặt, vận chuyển	-	3.337.220.658
Chi phí dịch vụ	-	264.523.319
Chi phí phải trả khác	216.720.406	212.279.156
	9.998.831.581	7.401.904.253

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tài sản thừa chờ xử lý	285.840.407	327.279.412
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	291.533.954	139.060.454
Cổ tức phải trả	2.214.647.000	5.090.957.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	700.905.840	42.000.000
Phải trả khác cho cá nhân	12.440.875.560	20.980.000.000
Phải trả khác cho các công ty liên kết	921.663.167	1.106.618.708
Các khoản phải trả khác	1.799.338.311	984.438.230
	18.654.804.239	28.670.353.804

23. Vay và nợ dài hạn

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Khoản vay (a)	314.997.000	384.999.000
Khoản vay (b)	44.024.126.960	37.340.226.160
Khoản vay (c)	39.035.389.089	14.977.490.425
Khoản vay (d)	1.008.300.000	-
Khoản vay	-	145.384.000
	84.382.813.049	52.848.099.585
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh 19)	(5.038.390.870)	-
	79.344.422.179	52.848.099.585

- (a) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu ("ACB") – Chi nhánh Lê Văn Sỹ để mua xe. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ khoản vay (xem thuyết minh số 9) và được hoàn trả trong vòng 36 tháng kể từ tháng 12 năm 2010. Khoản vay này chịu lãi suất từ 17% đến 20% một năm (năm 2010: 17%).
- (b) Khoản vay dài hạn từ ngân hàng ACB với hạn mức tín dụng là 26,788 triệu VNĐ, 25,000 triệu VNĐ và 8,212 triệu VNĐ và được hoàn trả ba tháng một lần trong 16 đợt bằng nhau bắt đầu từ 16 tháng 3 năm 2012, 27 tháng 3 năm 2012 và 18 tháng 8 năm 2012. Lãi suất thực tế bình quân cho khoản vay từ 16,5% đến 22,5% một năm (năm 2010: từ 16,5% đến 22,5% một năm). Khoản vay dài hạn này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất của Công ty Thiết bị Điện Thạch Anh (xem Thuyết minh số 11 và 12) và 1.200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (GLT) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong.
- (c) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn cho việc thực hiện xây dựng tòa nhà ITD, khoản vay được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ ngày hoàn thành của tòa nhà ITD cho đến tháng 12 năm 2018. Khoản vay được bảo đảm bởi Quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số 12) và chịu lãi suất từ 19% đến 21% một năm (năm 2010: 19%).
- (d) Khoản vay từ Techcombank. Khoản vay dài hạn này được đảm bảo bằng tài sản của Tập đoàn (xem Thuyết minh số 11), khoản vay này chịu lãi suất 17,75% một năm.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

24. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ/năm như sau:

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2010	116.103.990.000	(15.680.000)	204.783.467	2.524.125.699	-	46.570.264.445	132.783.819.040
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	39.268.314.399	39.268.314.399
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.948.628.104)	(13.948.628.104)
Trích lập các quỹ	-	-	-	684.314.148	-	(2.865.402.909)	(2.181.088.761)
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh do hợp nhất các công ty con	-	-	-	-	-	2.092.727.396	2.092.727.396
Trừ các khoản truy thu và nộp phạt thuế	-	-	-	(322.852.349)	-	(21.039.365)	(343.891.714)
Điều chỉnh tăng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ các Quỹ đầu tư phát triển và Dự phòng tài chính đã trích	-	-	(101.846.642)	(38.578.332)	-	140.424.974	-
Các điều chỉnh do hợp nhất	-	-	(4.017.472)	(103.979.904)	-	360.776.360	252.778.984
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2011	116.103.990.000	(15.680.000)	98.919.353	2.743.029.262	-	71.597.437.196	190.527.695.811
Lãi thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	14.189.474.176	14.189.474.176
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(12.487.020.856)	(12.487.020.856)
Trích lập các quỹ	-	-	102.231.356	168.907.064	-	(1.060.624.045)	(789.485.625)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	152.582.338	-	152.582.338
Số dư, ngày 30 tháng 6 năm 2011	116.103.990.000	(15.680.000)	201.150.709	2.911.936.326	152.582.338	72.239.266.471	191.593.245.844

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	30 tháng 6 năm 2011		31 tháng 12 năm 2010	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được phê duyệt	11.610.399	116.103.990.000	11.610.399	116.103.990.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	11.610.399	116.103.990.000	11.610.399	116.103.990.000
Mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành	(1.568)	(15.680.000)	(1.568)	(15.680.000)
Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	11.608.831	116.088.310.000	11.608.831	116.088.310.000

Tất cả cổ phiếu đều có mệnh giá là 10.000 VNĐ.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

25. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số dư đầu kỳ/năm	120.401.281.140	80.400.525.862
Vốn góp trong kỳ/năm	9.720.600.000	28.502.199.640
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông thiểu số	10.827.703.156	28.746.371.080
Cổ tức	(6.726.149.295)	(16.063.087.369)
Trích lập các quỹ	(472.363.748)	(1.116.048.841)
Bán cổ phiếu quỹ	-	33.996.951
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	286.082.184	(42.201.197)
Khác	(68.411.741)	(60.474.986)
Số dư cuối kỳ/năm	133.968.741.696	120.401.281.140

26. Doanh thu

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Doanh thu bán hàng hóa	181.825.428.126	358.746.343.269
Doanh thu bán thành phẩm	12.207.186.539	21.474.145.016
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	17.055.036.159	95.069.478.432
Doanh thu cho thuê bất động sản	14.164.829.452	25.952.177.330
Doanh thu xây dựng và lắp đặt	-	133.257.861.677
Tổng doanh thu	225.252.480.276	634.500.005.723
Hàng bán bị trả lại	(151.351.578)	(6.862.599.878)
Hàng bán giảm giá	-	(52.807.276)
Doanh thu thuần	225.101.128.698	627.584.598.569

27. Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giá vốn hàng hóa	132.200.858.272	258.883.352.555
Giá vốn thành phẩm	5.532.688.750	7.749.230.109
Giá vốn dịch vụ và kỹ thuật cung cấp	12.397.065.021	59.435.706.766
Giá vốn của bất động sản cho thuê	7.544.191.794	13.317.317.966
Giá vốn xây dựng và lắp đặt	-	93.721.767.002
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	603.461.943
	157.674.803.837	433.710.836.341

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

28. Doanh thu tài chính

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	544.391.848	1.410.815.938
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.250.497.717	1.345.200.291
Lãi tiền cho vay	-	1.278.517.188
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	3.558.295.918
Lãi thanh lý khoản đầu tư dài hạn	10.839.369.285	822.779.294
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	62.730.234
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.062.354.123	2.289.223.587
Khác	32.848.396	4.937.037
	13.729.461.369	10.772.499.487

29. Chi phí tài chính

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Chi phí lãi vay	3.724.917.253	8.397.425.677
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	226.164.653
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.068.140.519	6.979.270.292
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	800.000.000
Khác	-	13.920.581
	7.793.057.772	16.416.781.203

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu, công ty con, được miễn thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất sản phẩm và thiết bị được sử dụng trong lĩnh vực viễn thông cho hai năm từ năm đầu tiên Công ty phát sinh lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN cho ba năm tiếp theo.

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí thuế TNDN trong kỳ được tính như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Chi phí thuế TNDN hiện hành	
Kỳ hiện hành	7.642.561.513
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	
Các khoản chênh lệch tạm thời	(231.787.021)
	7.410.774.492

Việc tính thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Đối chiếu thuế suất thực tế

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	32,427,951,824	%
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	8.106.987.956	25%
Ưu đãi thuế	(757.996.948)	(2,34%)
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	(331.993.549)	(1,02%)
Chi phí không được khấu trừ	19.771.912	0,06%
Tài sản thuế hoãn lại trên khoản chênh lệch tạm thời không ghi nhận	374.005.121	1,15%
	7.410.774.492	22,85%

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu sau được Tập đoàn ghi nhận và tình hình biến động trong kỳ như sau:

	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	117.918.239	(117.918.239)	-
Trích trước chi phí lắp đặt	19.573.389	(7.566.480)	12.006.909
Chi phí bảo hành phải trả	50.555.739	(2.325.352)	48.230.387
Tài sản thuế hoãn lại trên khoản lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	675.164.284	381.585.019	1.056.749.303
Khác	21.987.927	(21.987.927)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	885.199.578	231.787.021	1.116.986.599

31. Lãi trên cơ bản cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 được dựa trên lợi nhuận phân phối cho các cổ đông là 14.189.474.176 VNĐ (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010: 39.268.314.399 VNĐ) và số lượng trung bình của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 11.608.831 cổ phiếu (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010: 11.608.831 cổ phiếu). Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Lãi thuần phân phối cho cổ đông	14.189.474.176	39.268.314.399
Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ/năm	11.610.399	11.610.399
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành thêm	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	(1.568)	(1.568)
Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông trong kỳ/năm	11.608.831	11.608.831
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.222	3.383

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

32. Cổ tức

Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty ngày 23 tháng 4 năm 2011 đã quyết định chia cổ tức là 9.287 triệu VNĐ (đây là lần chia cổ tức thứ 2 cho năm 2010 và bằng 8% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức).

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Vay	(1.492.894.167)	(16.840.000.000)

Số dư công nợ của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Bên liên quan	Bản chất của số dư	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản phải trả			
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Phải trả phi thương mại	720.000.000	4.570.000.000

Thu nhập của ban giám đốc trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	564.000.000	1.968.974.809

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ/năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Vốn góp	-	(2.110.000.000)
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vạn	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	(2.462.000)	(1.151.699.267)
		Bán hàng hóa và dịch vụ	1.785.000	7.106.664.530
		Vốn góp	-	(960.000.000)
		Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	103.697.563
		Mượn	-	(856.302.437)
Công ty cổ phần thanh toán trực tuyến Mùa Xuân	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	20.646.736	37.772.530
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Cho vay	-	800.000.000
		Vốn góp	(360.000.000)	(1.000.000.000)
		Thu nhập lại	-	62.520.000
Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu ("GIT")	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	59.090.560	105.545.722
		Cho mượn	-	500.000.000
		Vốn góp	-	(834.000.000)
		Thanh lý vốn góp	(7.820.000.000)	-
		Cổ tức nhận được	-	834.000.000

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng và phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản phải thu				
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	82.330.432	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	1.929.000	519.383.700
Công ty Cổ phần Thanh toán trực tuyến Mùa Xuân	Bên liên quan	Phải thu thương mại	12.678.736	-
Công ty Cổ phần Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	550.674.092	870.429.092
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải thu thương mại	33.401.560	29.960.835
Các khoản phải trả				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải trả thương mại	-	998.163.938
		Phải trả phi thương mại	-	212.335.198
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	2.708.200	729.974.995
		Phải trả phi thương mại	-	856.302.437

34. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong kỳ như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Chi phí hàng hóa xuất bán	133.501.520.217
Chi phí công nhân viên	27.343.286.459
Chi phí vật liệu	4.769.326.812
Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm	834.040.883
Chi phí khấu hao	5.494.953.774
Chi phí dự phòng bảo hành	1.037.170.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.056.900.878
Chi phí khác	5.527.544.580

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

35. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, là kỳ đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, và vì vậy có thể không so sánh được với những số liệu đã trình bày của kỳ hiện tại.

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Người phê duyệt:



LÂM THIỆU QUẢN
Tổng Giám đốc